

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;
2. Ông Phan Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 và ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2022; về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Th, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1982 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Th, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc S tự tìm hiểu với nhau vào năm 2002 và được cha mẹ hai bên thống nhất tổ chức đám cưới vào ngày 16/3/2003 ÂL, sau đó đến ngày 11/9/2008 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân

dân xã A, huyện Ch, tỉnh An Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2021 anh chị phát sinh mâu thuẫn với nhau.

Nguyên nhân do anh S thường xuyên đi ăn nhậu bên ngoài khi về nhà còn kiểm chuyện chửi chị H và con, ngoài ra anh S còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ khác ở bên ngoài; chị H đã nhiều lần khuyên can, nhưng anh S không thay đổi. Từ đầu năm 2022, anh S đã sống ly thân với chị đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được; anh S còn nhiều lần về nhà đánh, chửi chị và các con, làm cho chị và các con phải thuê phòng trọ ở tạm, không dám về nhà. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S theo quy định.

Về con chung: Có 02 người con; cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/12/2004 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 15/6/2009 hiện chị đang nuôi dưỡng từ ngày ly thân đến nay, nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu T đến khi cháu A, cháu T mỗi cháu đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh S tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S:* Đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Nguyễn Ngọc S.

Trong thời gian tiến hành tố tụng, từ ngày thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa xét xử vào ngày 17/5/2022 anh S vẫn cố tình vắng mặt và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu cho Tòa án xem xét theo quy định.

Nay anh S có mặt tại phiên tòa, trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với chị H theo quy định; đồng thời, thống nhất cháu A và cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc S làm phát sinh “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại các Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định cho anh Nguyễn Ngọc S gồm các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu,

chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa.

Nay anh S có mặt tại phiên tòa, trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với chị H theo quy định; đồng thời, thống nhất cháu A và cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh S được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh S thống nhất ly hôn với nhau; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.”*.

Vì vậy, căn cứ vào quy định trên chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/12/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 15/6/2009 hiện đang sống với chị H; cháu A và cháu T đã có văn bản trình bày nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục sống với chị H; đồng thời, chị H cũng có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu T đến khi cháu A, cháu T mỗi cháu đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh S đã thống nhất tự nguyện giao cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và cháu T đến khi cháu A, cháu T mỗi cháu đủ 18 tuổi; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh S là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh S thống nhất tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác; do đó, Hội đồng xét xử, không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh S; về con chung và tài sản chung đề chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh S.

Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Ngọc S.

- Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc S.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc S; giao cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 24/12/2004 và cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 15/6/2009 đến khi cháu A và cháu T mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh S khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh S tự thỏa thuận giải quyết với nhau; do đó, Hội đồng xét xử, không đặt ra để xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo ký hiệu biên lai thu 14BE-21 số: 0001377 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Chị H được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí còn thừa 8.950.000đ (Tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo ký hiệu biên lai thu 14BE-21 số: 0001377 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Anh Nguyễn Ngọc S không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

Phạm Thành Triều